TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Hiển Vinh**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Minh Tuấn**
Bà Lê Quỳnh Hoa

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** **Bà Lê Thị Thảo -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: **Ông Trần Việt Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐHPT ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Trọng H; sinh năm 1978; ĐKHKTT và hiện tại ở: phòng 507 + 508 tập thể 3B Đ, phường P, quận H, H (Có mặt)

- **Bị đơn**: Chị Phạm Thị Tố N; sinh năm 1978; ĐKHKTT và hiện tại ở: phòng 507 + 508 tập thể 3B Đ, phường P, quận H, H; Địa chỉ khác: 54 H, phường L, quận H, H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - anh Nguyễn Trọng H trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Phạm Thị Tố N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình và đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2008 tại UBND phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, có tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống khá bình ổn, mặc dù cũng có nhiều mâu thuẫn trái chiều trong quá trình sinh hoạt, chủ yếu là do không hợp nhau về tính cách lối sống. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong công việc cũng như trong mọi vấn đề của cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, mệt mỏi kéo dài làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên gia đình. Đến năm 2019, chị N công khai có mối quan hệ mới nên mối quan hệ giữa 2 vợ chồng ngày càng trở nên xấu hơn. Anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Thời điểm hiện tại giữa hai vợ chồng đã không còn thể đối thoại được với nhau.

Nay anh H thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được để đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 14/5/2009. Hiện nay cháu N2 đang sống cùng anh. Anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N2, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung anh H trình bày anh chị có một số tài sản chung và vay nợ chung có thế chấp bằng các tài sản chung, tuy nhiên anh chị đã tự thu xếp và xử lý với bên ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo chị N đến Tòa án làm việc nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:

- Ngày 20/3/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã lập biên bản trao đổi với ông Chu Thế Tuyên (tổ trưởng tổ dân phố số 1 phường Phan Chu Trinh) và được ông cho biết hộ gia đình anh Nguyễn Trọng H và chị Phạm Thị Tố N ở tại P507+503 số 3B Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Quá trình anh H và chị N sinh sống tại đây, ông không thấy anh chị có mâu thuẫn gì, không có việc to tiếng, cãi vã, ảnh hưởng đến khu dân cư. Nhưng khi hỏi anh H thì ông được biết: anh H chị N có mâu thuẫn trong tính cách, lối sống âm ỉ đã nhiều năm nên đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh H đã nộp đơn ly hôn đến tòa án Hoàn Kiếm. Anh H, chị N có 01 con chung tên

Nguyễn Trọng N2, sinh năm 2009. Việc giải quyết ly hôn và con cái của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị đơn - chị Phạm Thị tố N vắng mặt. Nguyên đơn - anh Nguyễn Trọng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Về con chung, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt trong suốt qua trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị:

+ Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng H đối với chị Phạm Thị Tố N.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 14/5/2009 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

+ Về tài chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Trọng H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với Phạm Thị Tố N. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phạm Thị Tố N có địa chỉ tại P507 + P508 Tập thể 3B Đặng Thái Thân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Trọng H có mặt, bị đơn là chị Phạm Thị Tố N vắng mặt. Đối với chị N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, song chị N đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm*: Anh Nguyễn Trọng H và chị Phạm Thị Tố N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ngày 28/10/2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 218, quyển số 01/2008). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh H trình bày anh và chị N có cuộc sống bình ổn thời gian đầu sau khi kết hôn. Mặc dù cũng có nhiều mâu thuẫn trái chiều trong quá trình sinh hoạt nhưng vợ chồng vẫn chung sống hòa bình. Năm 2019, chị N công khai có mối quan hệ mới nên mối quan hệ giữa 2 vợ chồng ngày càng trở nên xấu hơn. Anh H và chị N sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ tháng 8/2019, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị N đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên chị N không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn, không thể hiện nguyện vọng của mình là từ chối hay đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H. Tòa án đã triệu tập chị N đến hòa giải nhiều lần nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ chị N cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của chị và anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy khả năng đoàn tụ của anh H và chị N không còn. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ tháng 8/2019. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, vợ chồng thương yêu giúp đỡ lẫn nhau không đạt được nên việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: anh H và chị N có 01 con chung là Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 14/5/2009. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị N và anh H sống ly thân, cháu N2 vẫn sống ổn định cùng bố. Cháu Nguyễn Trọng N2 cũng có đơn trình bày nguyện vọng được sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc tiếp tục giao cháu Nguyễn Trọng N2 cho anh Nguyễn Trọng H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, nếu chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị N theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và công nợ*: quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày anh và chị N có một số tài sản chung và vay nợ chung có thế chấp bằng các tài sản chung. Tòa án đã yêu cầu anh H giao nộp các tài liệu có liên quan đến khoản vay nợ chung nhưng anh H đã có đơn trình bày với nội dung anh và chị N đã tự thu xếp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cung cấp các tài liệu có liên quan. Nếu chị N có yêu cầu thì đề nghị chị N xuất trình. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N đều vắng mặt

không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự vẫn có quyền khởi kiện vụ kiện tranh chấp tài sản sau ly hôn nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng H. Anh Nguyễn Trọng H được ly hôn với chị Phạm Thị Tố N.

2. Về con chung: Xác nhận anh H và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 14/5/2009. Giao cháu N2 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị N nếu chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng H không yêu cầu chị Phạm Thị Tố N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N cho đến khi anh H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051916 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Trọng H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Chị Phạm Thị Tố N vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Q.Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS Q Hoàn Kiếm;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hiển Vinh